

Bản án số: 216/2020/HS-ST
Ngày 23-9-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hải

Bà Hoàng Thị Lê D

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyên – Thư ký của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Trần Hồng Gấm - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số 233/2020/HSST ngày 08 tháng 9 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 251/2020/QĐXXST- HS ngày 11 tháng 9 năm 2020, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Anh T (Tên gọi khác: TE), sinh năm 1995 tại Bà Rịa – Vũng Tàu; Hộ khẩu thường trú: Không có Hộ khẩu thường trú; chỗ ở trước khi bị bắt: Hẻm T - Đường B, Phường M, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: 1/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B (đã chết) và bà Nguyễn Thị Bạch T (đã chết); Tiền sự: Không;

Tiền án:

1. Ngày 12-9-2017, Tòa án nhân dân thành phố V xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án Hình sự sơ thẩm số 178/2017/HSST. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 16-8-2018.

2. Ngày 28-11-2018, Tòa án nhân dân thành phố V xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án Hình sự sơ thẩm số 272/2018/HSST. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 19-12-2019.

Bị bắt ngày 23-3-2020.

2. Lưu Tấn Ph (Tên gọi khác: B), sinh năm 2000 tại Bà Rịa – Vũng Tàu; Hộ khẩu thường trú: Không có Hộ khẩu thường trú; Chỗ ở trước khi bị bắt: Không có nơi ở cố định; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: 4/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: không rõ và bà Lưu Ngọc Ch (sinh năm 1984); Tiền án, tiền sự: Không;

Bị bắt ngày 25-5-2020.

(Bị cáo T, bị cáo Ph đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố V, có mặt tại phiên tòa).

Bị hại:

1. Ông Phùng Văn Đ, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Đường BG, Phường M1, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Vắng mặt)

2. Chị Trần Thị Mỹ D, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Đường T, Phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (vắng mặt)

3. Anh Lê Hồng T, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Đường Ng, Phường M2, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt)

4. Anh Phạm Phú Q, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Đường H, phường R, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Đ Th, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Đường BG, Phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Vắng mặt)

2. Anh Tạ M Đ, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Đường BG, Phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Vắng mặt)

3. Ông Nguyễn Đình M, sinh năm 1970.

Địa chỉ: khu phố ThS, thị trấn PhB, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Vắng mặt)

NỘI D VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Anh T là đối tượng vừa chấp hành xong hình phạt tù về tội “Trộm cắp tài sản”, trở về địa phương nhưng không chịu tu dưỡng bản thân chí thú làm ăn mà lại tiếp tục thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản khác trên địa bàn thành phố V. Trong khoảng thời gian từ tháng 02-2020 đến tháng 3-2020, T đã thực hiện tổng cộng 04 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố V, trong đó thực hiện cùng Lưu Tân Ph 01 vụ. Cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng đêm khuya một ngày trong tháng 02-2020, Nguyễn Anh T đi bộ trên các tuyến đường trên địa bàn thành phố V với mục đích tìm tài sản trộm cắp. Khi đi đến công trình nhà đang xây dựng tại địa chỉ 842/20C đường Đường BG, Phường M1, thành phố V T đi vào bên trong và phát hiện ông Phùng Văn Đ đang nằm ngủ. T quan sát thấy trên đầu giường ngủ có để 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A10S, màu đen, T lén lút tới gần lấy

trộm chiếc điện thoại trên rồi tẩu thoát. Chiếc điện thoại này T giữ lại để sử dụng cho đến khi bị bắt và thu giữ.

Vụ thứ hai: Khoảng 04 giờ ngày 12-02-2020, Lưu Tấn Ph rử Nguyễn Anh T về dãy phòng trọ nơi Ph ở tại địa chỉ 542/1 Đường T, Phường N, thành phố V để lấy trộm tài sản, bán lấy tiền tiêu xài, T đồng ý. Trên đường về nhà trọ, T và Ph bàn nhau để không bị nghi ngờ, Ph mở cửa vào trước, T vào sau. Về đến dãy trọ, Ph mở cổng khu trọ đi vào trước, T đi theo sau. Khi T vào phòng trọ của Ph, Ph nói với T “mày xem chiếc xe nào được thì lấy, phía cuối có chiếc Vision màu trắng đỏ” rồi vào phòng đóng cửa đi tắm. T kiểm tra chiếc xe Vision thì khóa cổ nên không lấy được. Sau đó, T lấy trộm chiếc xe đạp điện hiệu HT-BIKE XS9, của chị Trần Thị Mỹ D dựng gần đó rồi chạy xe về phía vòng xoay D. Sau khi tắm xong, Ph mở cửa ra vẫn nhìn thấy chiếc xe Vision nên gọi điện cho T rồi chạy xe về vòng xoay D gặp T. Tại đây, T nói với Ph “xe Vision khóa cổ, không lấy được, lấy xe đạp điện cũng bán được giá”. Sau đó, T và Ph chạy xe về phòng trọ của T tại Hẻm T, Đường B, Phường M, thành phố V cất giấu. Đến 08 giờ cùng ngày, T và Ph mang xe đạp điện lấy trộm được đến bán cho anh Nguyễn Đ Th là chủ tiệm sửa xe đạp được 3.000.000 đồng. T và Ph chia nhau mỗi người 1.500.000 đồng tiêu xài cá nhân.

Vụ thứ ba: Khoảng 0 giờ ngày 15-3-2020, T đi bộ xung quanh các tuyến đường Phường M2 để tìm tài sản trộm cắp. Khi đi bộ vào Hẻm BH, đường Đường Ng, Phường M2, thành phố V đến số A/E T quan sát bên trái thấy có dãy phòng trọ cửa ngoài không đóng, T đi vào trong thì thấy có 01 phòng trọ cửa mở bên trong có anh Lê Hồng T đang nằm ngủ. T đột nhập vào phòng phát hiện 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 4 trắng và 01 ví da để trên đầu giường nên đã lấy trộm và tẩu thoát về hướng Đường H/C và Đường BG. Trên đường đi T kiểm tra chiếc ví thấy có một số giấy tờ không có tiền nên T vứt chiếc ví trên đường (không nhớ vị trí và địa điểm đã vứt chiếc ví). Chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 4 T cầm về bán cho một người chơi cùng quán Nét (T không biết địa chỉ và lai lịch người đàn ông này) với giá 150.000 đồng. Số tiền bán được T tiêu xài hết.

Vụ thứ tư: Khoảng 02 giờ sáng ngày 20-3-2020, T đi bộ trên các tuyến đường phường R tìm tài sản trộm cắp. Khi đi bộ đến khu vực dãy phòng trọ ở địa chỉ: đường Đường H, phường R, thành phố V, T phát hiện trong dãy phòng trọ có dựng 01 chiếc xe đạp điện nhãn hiệu Danaca, màu trắng – xanh – đen của Phạm Phú Q. Do cửa cổng không khóa nên T lén lút vào bên trong lấy trộm chiếc xe đạp điện trên và tẩu thoát. Đến gần trưa cùng ngày T dắt chiếc xe trộm được đi bán cho anh Tạ M Đ ở địa chỉ: Đường BG, Phường T, thành phố V với giá 800.000 đồng. Số tiền bán được T tiêu xài hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số 73/KL-HĐĐG ngày 10-4-2020 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự thành phố V kết luận:

+ 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A10S, màu đen có giá trị 1.000.000 đồng.

+ 01 (Một) chiếc xe đạp điện hiệu HT-BIKE XS9 có giá trị 3.500.000 đồng.

+ 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone 4 màu trắng có giá trị 500.000 đồng.

+ 01 (Một) chiếc xe đạp điện, màu trắng – xanh – đen, nhãn hiệu Danaca có giá trị 1.500.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra T và Ph đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

- Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố V thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật ra Quyết định xử lý vật chứng :

+ 01 (Một) chiếc xe đạp điện, màu trắng – xanh – đen, nhãn hiệu Danaca thu giữ từ anh Tạ M Đ và đã trao trả cho chủ sở hữu anh Phạm Phú Q

+ 01 (Một) điện di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A10S màu đen, số Imel: 358176102627086, số Seri: R9AM802AVFJ thu giữ từ Nguyễn Anh T và đã trao trả cho chủ sở hữu anh Phùng Văn Đ.

+ 01 chiếc xe đạp điện hiệu HT-BIKE XS9 màu sơn đỏ thu giữ từ anh Nguyễn Đ Th và đã trao trả cho chủ sở hữu chị Trần Thị Mỹ D.

+ 01 (Một) chiếc xe máy nhãn hiệu DaYang, màu xanh, biển số: 72H7-9687; số khung LCG0033U-112914; số máy: 150FMG-80112914 thu giữ từ Nguyễn Anh T. Qua xác M, chủ sở hữu là anh Nguyễn Đình M. Hiện anh M đã chuyển chỗ ở đi nơi khác không rõ. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố V đã chuyển chiếc xe trên cho Chi cục Thi hành án thành phố V quản lý.

Về trách nhiệm dân sự:

- Anh Phạm Phú Q, anh Phùng Văn Đ, anh Lê Hồng T và chị Trần Thị Mỹ D sau khi nhận lại tài sản, không yêu cầu gì thêm; anh Nguyễn Đ Th không yêu cầu Ph và T trả lại số tiền đã dùng để mua xe đạp điện.

- Anh Tạ M Đ yêu cầu T bồi thường số tiền 800.000 đồng là tiền đã mua chiếc xe đạp điện của T.

Đối với anh Tạ M Đ và anh Nguyễn Đ Th không biết tài sản đã mua là tài sản do phạm tội mà có nên không truy cứu trách nhiệm Hình sự.

Tại Cáo trạng số 240/CT-VKS ngày 07-9-2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố V truy tố Nguyễn Anh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b, g, Khoản 2, Điều 173 Bộ luật Hình sự và Lưu Tấn Ph về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 1, Điều 173 Bộ luật Hình sự

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng điểm b, g Khoản 2, Điều 173; điểm r, s Khoản 1, Điều 51; điểm g Khoản 1, Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Anh T từ 03 (Ba) đến 04 (Bốn) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23 tháng 3 năm 2020.

+ Áp dụng Khoản 1, Điều 173; điểm i, s Khoản 1, Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lưu Tấn Ph từ 06 (Sáu) tháng đến 09 (Chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25 tháng 5 năm 2020.

Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. Lời nói sau cùng, các bị cáo hối hận về hành vi phạm tội và xin giảm nhẹ một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong vụ án này đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng:

Tại phiên tòa hai bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của hai bị cáo phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đủ căn cứ để kết luận:

Trong thời gian từ tháng 02 đến ngày 20-3-2020, lợi dụng sự sơ hở của các bị hại, bị cáo T đã có hành vi lén lút để thực hiện bốn vụ chiếm đoạt tài sản, trong đó có 01 vụ thực hiện cùng bị cáo Ph. Cụ thể:

Vụ thứ nhất: Vào đêm khuya một ngày trong tháng 02-2020, tại công trình nhà đang xây dựng ở địa chỉ: Đường BG, Phường M1, thành phố V, bị cáo T chiếm đoạt của anh Phùng Văn Đ một chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A10S, màu đen có giá trị 1.000.000đ (Một triệu đồng).

Vụ thứ hai: Khoảng 04 giờ ngày 12-02-2020, tại khu nhà trọ ở địa chỉ: Đường T, Phường N, thành phố V hai bị cáo chiếm đoạt của chị Trần Thị Mỹ D một chiếc xe đạp điện hiệu HT-BIKE XS9 có giá trị là 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm ngàn đồng).

Vụ thứ ba: Khoảng 0 giờ ngày 15-3-2020, tại khu nhà trọ ở địa chỉ: Đường Ng, Phường M2, thành phố V bị cáo T chiếm đoạt của anh Lê Hồng T một chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 4 màu trắng có giá trị là 500.000đ (Năm trăm ngàn đồng).

Vụ thứ tư: Khoảng 02 giờ ngày 20-3-2020 tại khu nhà trọ ở địa chỉ: Đường H, phường R, thành phố V bị cáo T đã chiếm đoạt của anh Phạm Phú Q một chiếc xe đạp điện nhãn hiệu Danaca có giá trị 1.500.000đ (Một triệu năm trăm ngàn đồng).

Tổng giá trị tài sản bị cáo T chiếm đoạt là 6.500.000đ (Sáu triệu năm trăm ngàn đồng). Giá trị tài sản bị cáo Ph chiếm đoạt là 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm ngàn đồng).

Vì vậy, Hội đồng xét xử đủ căn cứ để kết luận hành vi của bị cáo T đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” với tình tiết định khung “phạm tội có tính chuyên nghiệp” và “Tái phạm nguy hiểm” theo quy định tại điểm b, g, Khoản 2, Điều 173 Bộ luật Hình sự; hành vi của bị cáo Ph đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định Khoản 1, Điều 173 Bộ luật Hình sự đúng như quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố V.

[3] Tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản công dân, gây mất trật tự an ninh xã hội tại địa phương, gây tâm lý bức xúc cho nhân dân trong cộng đồng dân cư. Các bị cáo là người đã trưởng thành nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, hành vi phạm tội của các bị cáo cần xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật, nhằm giáo dục cải tạo riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Vụ trộm cắp tài sản bị cáo T thực hiện cùng bị cáo Ph có tính chất đồng phạm nhưng là giản đơn do không có sự cấu kết chặt chẽ, không có sự bàn bạc, phân công vai trò cụ thể khi thực hiện hành vi phạm tội. Trong vụ này bị cáo T tham gia với vai trò là người thực hành.

[4] Tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo T nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên áp dụng tình tiết tăng nặng “*Phạm tội hai lần trở lên*” theo quy định tại điểm g, Khoản 1, Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Ph không có tình tiết tăng nặng.

[4.2] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo T sau khi bị bắt đã khai nhận về các hành vi phạm tội trước đó; bị cáo Ph phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên áp dụng điểm i, s Khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Ph; áp dụng điểm r, s Khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo T để giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

[5.1] Anh Phạm Phú Q, anh Phùng Văn Đ, chị Trần Thị Mỹ D, anh Lê Hồng T và anh Nguyễn Đ Th không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5.2] Anh Tạ M Đ yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền 800.000 đồng là tiền đã mua chiếc xe đạp điện của bị cáo T.

Xét, anh Đ mua xe đạp của bị cáo T không biết đó là tài sản trộm cắp mà có, anh Đ đã giao nộp cho cơ quan chức năng để trả lại cho bị hại, bị cáo đồng ý bồi thường, yêu cầu của anh Đ là hợp pháp nên chấp nhận. Do đó, bị cáo T phải có trách nhiệm bồi thường cho anh Đ số tiền 800.000 đồng.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 chiếc xe máy nhãn hiệu DaYang, màu xanh, biển số: 72H7-9687; số khung LCG0033U-112914; số máy: 150FMG-80112914. Qua xác M, chủ sở hữu là anh Nguyễn Đình M, anh M không rõ hiện đang ở đâu. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố V đã đăng tìm chủ sở hữu nhưng không có ai đến nhận nên tịch thu, nộp Ngân sách Nhà nước.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ: điểm b, g, Khoản 2, Điều 173; điểm r, s, Khoản 1, Điều 51; điểm g, Khoản 1, Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Anh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Anh T 03 (Ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23 tháng 5 năm 2020.

[2] Căn cứ: Khoản 1, Điều 173; điểm i, s, Khoản 1, Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Lưu Tấn Ph phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Lưu Tấn Ph 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25 tháng 5 năm 2020.

[3] Trách nhiệm dân sự: Áp dụng các điều 584, 585, 586 Bộ luật Dân sự;

Buộc bị cáo Nguyễn Anh T có trách nhiệm bồi thường cho anh Tạ M Đ số tiền 800.000đ (*Tám trăm ngàn đồng*).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả những khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2, Điều 468 Bộ luật Dân sự .

[4] Xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Tịch thu, nộp Ngân sách Nhà nước: 01 (một) chiếc xe máy nhãn hiệu DaYang, màu xanh, biển số: 72H7-9687; số khung LCG0033U-112914; số máy: 150FMG-80112914.

(Vật chứng đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố V theo Biên bản giao nhận vật chứng số 153/BB.THA ngày 17 tháng 6 năm 2020).

[5] Án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016,

[5.1] Án phí Hình sự: Bị cáo T và bị cáo Ph, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng).

[5.2] Án phí Dân sự: Bị cáo T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

[6] Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án (đối với người có mặt tại phiên tòa); tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai (đối với người vắng mặt tại phiên tòa), để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (PV27);
- Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND thành phố V;
- Công an thành phố V;
- Thi hành án dân sự thành phố V;
- Nhà tạm giữ Công an thành phố V;
- Những người tham gia tố tụng; Lưu hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thanh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Hải

Hoàng Thị Lê D

Lê Thị Thanh

